

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27-02-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Đình Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thị Cương;

Ông Lệnh Xuân Chính;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Hương - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Lý Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Anh **Cư Mí P**, sinh năm: 1987*

*Địa chỉ: **Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang**. Có mặt.*

*- Bị đơn: Chị **Hầu Thị L**, sinh năm: 1988*

*Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: **Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang**. Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Cư Mí P** trình bày: Anh **P** và chị **Hầu Thị L** quen nhau từ tháng 8 năm 2004 qua một thời gian tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý cho về sống chung với nhau nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vì hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đến ngày 20/8/2005 anh và chị **L** đã tự nguyện đến đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bên nhau, trong thời gian chung sống có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ như cãi, chửi nhau... Đến sáng ngày 13/01/2013 chị **Hầu Thị L** đi chợ và không thấy

quay về nhà, không biết vì lý do gì chị **L** tự ý bỏ nhà đi biệt tích, anh **P** đã đi tìm nhiều lần ở nhiều nơi như ở gia đình nhà bố mẹ vợ, bạn bè thân quen nhưng không thấy, không biết hiện nay ở đâu. Anh **P** đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị **L** mất tích để giải quyết việc ly hôn, ngày 16/6/2023 Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 04/2023/QĐST-DS tuyên bố chị **Hầu Thị L** mất tích. Nay anh **P** đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị **Hầu Thị L**.

Về con chung: Anh **P** và chị **L** có 02 con chung tên là cháu **Cư Thị T**, sinh ngày 20/3/2006 và cháu **Cư Thị H**, sinh ngày 07/8/2008.

Khi chị **L** bỏ nhà đi biệt tích, cũng theo cháu **Cư Thị H**, anh **P** phải một mình chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu **Cư Thị T**. Khi ly hôn anh **P** xin được trực tiếp nuôi cháu **Cư Thị H**. Không yêu cầu chị **L** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu **Cư Thị H** đã đi theo mẹ nên để chị **Hầu Thị L** nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **P** không cấp dưỡng nuôi cháu **Cư Thị H**.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị **Hầu Thị L**, vắng mặt. Ngày 16/6/2023 Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 04/2023/QĐST-DS tuyên bố chị **Hầu Thị L** mất tích, đến nay chị **L** không có mặt tại nơi cư trú, cũng không có tin tức gì về chị **L**.

Tại phiên tòa, anh **Cư Mí P** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa và tại phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho anh **P** ly hôn với chị **L**; giao cho anh **P** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Cư Thị T**; Miễn án phí sơ thẩm cho anh **P**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị **Hầu Thị L** đã được Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ tuyên bố mất tích bằng Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2023/QĐST-DS ngày 16/6/2023 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích nên thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, mặt khác Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nhận thấy tại phiên tòa vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227;

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Anh **Cư Mí P** khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị **Hầu Thị L**, có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: **Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang**. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Cư Mí P** và chị **Hầu Thị L** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh **P** và chị **L** là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì chị **L** bỏ nhà đi biệt tích từ đó đến nay không có tin tức gì. Anh **P** đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị **L** mất tích, Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang đã thực hiện trình tự tố tụng và thông báo tìm kiếm chị **L** nhưng không có kết quả, không có thông tin gì về chị **L**. Ngày 16/6/2023, Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ đã ra quyết định tuyên bố chị **Hầu Thị L** mất tích, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, cuộc sống chung giữa anh **P** và chị **L** không còn tồn tại, anh **P** yêu cầu xin ly hôn với chị **L** là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh **P**, cho anh **P** được ly hôn với chị **Hầu Thị L**.

[4] Về con chung: Anh **Cư Mí P** và chị **Hầu Thị L** có 02 con chung là cháu **Cư Thị T**, sinh ngày 20/3/2006 và cháu **Cư Thị H**, sinh ngày 07/8/2008. Xét thấy, chị **Hầu Thị Ly** biệt t từ năm 2013 cho đến nay, khi đi có bé theo cháu **Cư Thị H**, đến nay không có tin tức xác thực về chị **L** và cháu **H**, nên không giao trách nhiệm nuôi con hay cấp dưỡng nuôi con cho chị **L** được. Từ khi chị **Ly** biệt t, anh **P** đã làm tốt việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **T**, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt. Vì vậy, giao cho anh **P** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Cư Thị T** là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với cháu **Cư Thị H** được chị **L** đưa đi cùng và đến nay anh **P** cũng không có tin tức gì của cháu **Cư Thị H**. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đến giải quyết việc chăm sóc, giáo dục cháu **Cư Thị H**.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Anh **P** không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh **P** thuộc hộ nghèo được chính quyền nơi cư trú xác nhận và có đơn đề nghị miễn nộp án phí, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là người dân tộc thiểu số. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên Hội đồng xét xử xét thấy anh **P** được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của anh **Cư Mí P.**

Xử cho anh **Cư Mí P** được ly hôn với chị **Hầu Thị L.**

2. Về con chung:

Giao cho anh **Cư Mí P** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Cư Thị T**, sinh ngày 20/3/2006 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị **Hầu Thị L** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho anh **Cư Mí P.**

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh **Cư Mí P** biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị **Hầu Thị L** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Quản Bạ (2);
- UBND xã Quản Bạ;
- TAND Tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS H.Quản Bạ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Đình Vĩ

